TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT
Ngày 10/3/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân - Kiểm sát viên**.**

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/KDTM-PT ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán hàng hóa* ". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên B

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N, Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Lô 1,2,3,4,5,6 Khu công nghiệp M, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T

Địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tường L – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: đường số B, khu dân cư N, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Quốc S

Địa chỉ: đường Võ Văn K, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019)

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh T trình bày:

Tháng 6 năm 2014, giữa Công ty TNHH một thành viên B và Công ty Cổ phần D có ký hợp đồng mua bán sản phẩm Bê tông số 118/HĐ.2014 ngày 04/6/2014) để phục vụ thi công công trình điện gió Bạc Liêu, địa điểm tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Trong quá trình mua bán giữa hai bên, Công ty TNHH một thành viên B đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Cổ phần D và Công ty Cổ phần D đã ký xác nhận công nợ với Công ty TNHH một thành viên B số tiền là 1.060.196.786 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) theo bản xác nhận công nợ số 7A/12/ĐCCN-BT.TICCO ký ngày 31/12/2017. Đến tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần D đã thanh toán được 194.861.000đ (Một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng). Đến ngày 31/03/2019 các bên đối chiếu Công nợ thì bên Công ty Cổ phần D còn thiếu Công ty TNHH một thành viên B số tiền là: 743.559.786đ. Đến ngày 08/5/2019, Công ty Cổ phần D đã trả thêm cho Công ty TNHH một thành viên B số tiền 113.190.000đ.

Ngày 03/6/2019, Công ty Cổ phần D trả thêm cho Công ty TNHH một thành viên B số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Hiện tại tính đến ngày 02/7/2019, Công ty Cổ phần D còn thiếu Công ty TNHH một thành viên B tổng số tiền là: 605.369.786đ (Sáu trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Nay, Công ty TNHH một thành viên B yêu cầu Công ty Cổ phần D trả cho Công ty TNHH một thành viên B tổng số tiền còn thiếu là 605.369.786đ (Sáu trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) và lãi chậm thanh toán trên số tiền 605.369.786đ (Sáu trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) với lãi suất 9%/năm, thời gian từ ngày 30/6/2018 đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật trong giai đoạn thi hành án trên số tiền và thời gian chậm trả.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn Quốc S trình bày:

Bên Công ty Cổ phần D thừa nhận lời trình bày của đại diện ủy quyền Công ty TNHH một thành viên B là đúng,

Vào tháng 6 năm 2014, giữa Công ty TNHH một thành viên B và Công ty Cổ phần D có ký hợp đồng mua bán sản phẩm Bê tông số 118/HĐ.2014 ngày 04/6/2014) để phục vụ thi công công trình điện gió Bạc Liêu, địa điểm tại thành phố Bạc Liêu,

tỉnh Bạc Liêu. Tổng giá trị của hợp đồng trên là 1.060.196.786 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Tính đến ngày 31/5/2019, Công ty Cổ phần D còn thiếu Công ty TNHH một thành viên B tổng số tiền là: 630.369.786đ (Sáu trăm ba mươi triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 31/5/2019 đến nay là ngày 02/7/2019, Công ty Cổ phần D đã thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên B 03 lần với tổng số tiền là: 215.880.000đ (Hai trăm mười lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn là: 414.489.786đ (Bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Trước yêu cầu khởi kiện của phía Công ty TNHH một thành viên B buộc Công ty Cổ phần D trả là tổng số tiền còn thiếu là: 605.369.786đ (Sáu trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) với lãi suất 9%/năm, thời gian từ ngày 30/6/2018 đến khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật trong giai đoạn thi hành án trên số tiền và thời gian chậm trả. Phía Công ty Cổ phần D không đồng ý vì tổng số tiền mà Công ty Cổ phần D còn thiếu Công ty TNHH một thành viên B là: 414.489.786đ (Bốn trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả số nợ còn thiếu 605.369.786 đồng; không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán trả; chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Riêng đối với đại diện bị đơn ông S cho rằng kể từ ngày 31/5/2019 đến nay, Công ty Cổ phần D đã thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên B 03 lần với tổng số tiền là: 239.885.000đ, cụ thể vào ngày 03/6/2019 trả số tiền là 25.000.000đ; ngày 01/7/2019 trả số tiền là 165.880.000đ; ngày 24/7/2019 trả số tiền là 49.005.000đ. Tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn tính đến hôm nay là: 390.484.786đ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2019/KDTM-ST ngày 08/08/2019 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên B.

Buộc Công ty Cổ phần D trả số nợ còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa cho Công ty TNHH một thành viên B với tổng số tiền 605.369.786đ (Sáu trăm lẻ năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty Cổ phần D chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn Công ty Cổ phần D còn phải chịu trả lãi cho nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên B theo mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian bị đơn chậm thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ còn thiếu là 390.484.786 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có thay đổi một phần nội dung kháng cáo chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu là: 236.484.786 đồng. Nguyên đơn thống nhất số tiền bị đơn còn thiếu là 236.484.786 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn thừa nhận bị đơn còn thiếu số tiền 236.484.786 đồng, như lời trình bày của bị đơn và đồng ý cho bị đơn thanh toán số tiền trên. Với sự thỏa thuận của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nguyên đơn - Công ty TNHH Một thành viên B (gọi tắt là Công ty B) khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) phải có nghĩa vụ thành toán số tiền còn nợ 605.369.786 đồng theo hợp đồng mua bán sản phẩm Bê tông phục vụ thi công công trình điện gió Bạc Liêu. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1] Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy; kể từ khi Công ty B và Công ty D ký kết hợp đồng số 118/HĐ.2014 ngày 04/6/2014, thực hiện hợp đồng và qua nhiều đợt thanh toán thì đến ngày 31/3/2019 các bên có thực hiện việc đối chiếu công nợ. Theo đó, công ty D còn nợ Công ty B số tiền 743.559.786 đồng. Đến ngày 08/5/2019 bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn 113.190.000 đồng và ngày 03/6/2019 thanh toán thêm 25.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền mà bị đơn còn nợ là 605.369.786 đồng.

Bị đơn thừa nhận số nợ nêu trên nhưng cho rằng đã trả thêm cho nguyên đơn qua hai đợt cụ thể, ngày 01/7/2019 đã thanh toán với số tiền 165.880.000 đồng; và ngày 24/7/2019 thanh toán 49.005.000 đồng. Cấn trừ hai đợt thanh toán này thì bị đơn chỉ còn nợ 390.511.786 đồng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng minh cho hai lần thanh toán nợ 165.880.000 đồng vào ngày 01/7/2019 và 49.005.000 đồng vào ngày 24/7/2019. Do đó cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho

nguyên đơn số tiền 605.369.786 đồng theo chứng cứ trong hồ sơ cũng như bị đơn đã thừa nhận là có cơ sở.

[2] Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn đã cung cấp cho Tòa phúc thẩm ba hóa đơn giá trị gia tăng mà bị đơn đã thanh toán gồm:

- Ngày 01/7/2019 thanh toán số tiền 165.880.000 đồng;

- Ngày 24/7/2019 thanh toán số tiền 49.005.000 đồng;

- Ngày 30/11/2019 thanh toán số tiền: 154.000.000 đồng.

+ Tổng cộng số tiền đã thanh toán: 368.885.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn cung cấp thêm một biên bản đối chiếu công nợ số 12/12/BB.BT-TICCO ngày 31/12/2019 giữa Công ty D và Công ty B, theo nội dung biên bản thì Công ty D còn nợ Công ty B số tiền 236.484.786 đồng (605.369.786 – 368.885.000 = 236.484.786 đồng)

Với chứng cứ mà bị đơn đã cung cấp đã chứng minh được bị đơn chỉ còn thiếu nguyên đơn số tiền 236.484.786 đồng và đồng ý thanh toán số tiền này. Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn thừa nhận chứng cứ mới mà bị đơn cung cấp và đồng ý chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 236.484.786 đồng như bị đơn đưa ra. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả lãi suất với mức 10%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án là chưa chính xác mà cần phải xác định mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và nội dung Án lệ 09/2016/AL vì đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là lãi suất chậm thi hành án cho nên cần phải sửa thực hiện theo đúng quy định.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Buộc Công ty Cổ phần D trả số nợ còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa cho Công ty TNHH một thành viên B với tổng số tiền 236.484.786 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty Cổ phần D chậm thi hành thì hàng tháng bị đơn Công ty Cổ phần D còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên B không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH một thành viên B 19.327.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 007273 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Công ty Cổ phần D phải chịu là 11.824.239 đồng.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần D 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 005590 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng

nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPC
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi cục THADS. Q. Cái Răng;
- Lưu (HS – 2b).